

Phụ lục 1: Kiểm định vật tư, thiết bị, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và kiểm định an toàn kỹ thuật đối với các thiết bị, dụng cụ điện - NMNĐ Thái Bình 2

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
A	KIỂM ĐỊNH VẬT TƯ, THIẾT BỊ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG			
I	Hệ thống đường ống áp lực			
1	Đường kính ống đến 150 mm	Mét	6933	
2	Đường kính ống trên 150 mm	Mét	1410	
II	Nồi hơi			
1	Công suất từ trên 25 tấn/giờ đến 50 tấn/giờ	Thiết bị	1	
2	Công suất từ trên 400 tấn/giờ	Thiết bị	2	
III	Chai khí dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan			
1	Chai khác không kể dung tích	Chai	910	
IV	Pa lăng điện, xích kéo tay			
1	Pa lăng điện tải trọng đến 3 tấn, Pa lăng xích kéo tay trọng nâng từ 1 tấn đến 3 tấn	Thiết bị	35	
2	Pa lăng điện, Pa lăng xích kéo tay trọng nâng từ trên 3 tấn đến 7,5 tấn	Thiết bị	83	
3	Pa lăng điện, Pa lăng xích kéo tay trọng nâng từ trên 7,5 tấn	Thiết bị	54	
V	Cầu trục			
1	Tải trọng dưới 3 tấn	Thiết bị	1	
2	Tải trọng từ 3 tấn đến 7,5 tấn	Thiết bị	3	
4	Tải trọng từ trên 15 tấn đến 30 tấn	Thiết bị	4	
VI	Thang máy các loại			
1	Thang máy dưới 10 tầng dừng	Thiết bị	1	
2	Thang máy từ 10 tầng dừng đến 20 tầng dừng	Thiết bị	2	
VII	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1 tấn trở lên, xe tự hành nâng người			
1	Tải trọng nâng từ 1 tấn đến 3 tấn	Thiết bị	5	
VIII	Hệ thống lạnh			
1	Năng suất lạnh đến 30.000 Kcal/h	Thiết bị	6	
2	Năng suất lạnh từ trên 30.000 Kcal/h đến 100.000 Kcal/h	Thiết bị	6	
3	Năng suất lạnh từ trên 100.000 Kcal/h đến 1.000.000 Kcal/h	Thiết bị	4	
IX	Áp kế			
1	Áp kế	Thiết bị	56	
X	Van an toàn			
1	Van an toàn 2 tổ máy	Thiết bị	351	
B	KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT ĐỐI VỚI CÁC THIẾT BỊ DỤNG CỤ ĐIỆN			
1	Đo điện trở tiếp địa Hệ thống tiếp địa	Điểm	15	

